

Số: 05/QĐ-ĐMST

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán và tình hình thực hiện dự toán  
ngân sách nhà nước năm 2024**

**CỤC TRƯỞNG**

**CỤC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;*

*Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-BKHCN ngày 15/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Phát triển công nghệ và Đổi mới sáng tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 3393/QĐ-BKHCN ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán chi NSNN năm 2024 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 259/QĐ-BKHCN ngày 29/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh dự toán và giao tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-BKHCN ngày 19/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán và giao tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (đợt 2);*

*Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-BKHCN ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 1410/QĐ-BKHCN ngày 25/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán và giao tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;*



Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-BKHHCN ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (phần kinh phí đã cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên) của các nhiệm vụ không thực hiện cắt giảm, tiết kiệm theo Nghị quyết số 119/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2964/QĐ-BKHHCN ngày 12/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2972/QĐ-BKHHCN ngày 13/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch và Tài chính.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán và tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Cục Phát triển công nghệ và Đổi mới sáng tạo (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch và Tài chính, Chánh Văn phòng Cục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Phạm Việt Hồng**



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CỤC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO  
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC 12 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-ĐMST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Cục trưởng Cục Phát triển công nghệ và Đổi mới sáng tạo)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Thiết kế, chế tạo và thử	Trung tâm Hỗ trợ chuyển giao công nghệ	Văn phòng đại diện Cục tại TP HCM
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
A	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>						
B	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>17.388,90</b>	<b>17.388,90</b>	<b>8.018,20</b>	<b>6.008,30</b>	<b>2.657,40</b>	<b>705,00</b>
I	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>17.388,90</b>	<b>17.388,90</b>	<b>8.018,20</b>	<b>6.008,30</b>	<b>2.657,40</b>	<b>705,00</b>
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>6.898,00</b>	<b>6.898,00</b>	<b>6.193,00</b>			<b>705,00</b>
1.1	Lương và các khoản tính theo lương	4.951,00	4.951,00	4.564,50			386,50
1.2	Định mức phân bổ chi hành chính theo đầu biên chế được giao	1.591,30	1.591,30	1.472,50			118,80
	<i>Trong đó: Tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>10,00</i>	<i>10,00</i>	<i>10,00</i>			
1.3	Tinh giản biên chế	195,00	195,00				195,00
1.4	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	160,70	160,70	156,00			4,70
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>9.968,40</b>	<b>9.968,40</b>	<b>1.825,20</b>	<b>5.485,80</b>	<b>2.657,40</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.500,50	3.500,50	1.476,50	1.691,50	332,50	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	2.835,50	2.835,50	1.476,50	1.359,00		
	Nghiên cứu giải pháp quản lý, thúc đẩy hợp tác đồng đổi mới sáng tạo (Co-Innovation) cho doanh nghiệp Việt Nam	194,00	194,00	194,00			
	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và thử nghiệm hệ thống sây vại thiêu sử dụng nhiệt gián tiếp từ nhiên liệu sinh khối	1.159,00	1.159,00		1.159,00		



Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Thiết kế, chế tạo và thử	Trung tâm Hỗ trợ chuyển giao công nghệ	Văn phòng đại diện Cục tại TP HCM
	Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách tăng cường liên kết nghiên cứu và chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	712,50	712,50	712,50			
	Nghiên cứu giải pháp hình thành và nâng cao năng lực cho bộ phận nghiên cứu và phát triển công nghệ trong doanh nghiệp chế biến, chế tạo tại Việt Nam	570,00	570,00	570,00			
	Nghiên cứu đề xuất giải pháp hỗ trợ công nghệ phù hợp phát triển sản phẩm OCOP vùng trung du miền núi phía Bắc	200,00	200,00		200,00		
	<i>- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	<i>665,00</i>	<i>665,00</i>		<i>332,50</i>	<i>332,50</i>	
	Nghiên cứu phát triển công nghệ chế biến một số sản phẩm từ nguyên liệu chuỗi xanh	332,50	332,50		332,50		
	Phân tích, lựa chọn công nghệ có tiềm năng ứng dụng năm 2024	332,50	332,50			332,50	
2.2	Kinh phí thường xuyên	2.324,80	2.324,80		1.175,40	1.149,40	
	Hỗ trợ kinh phí thường xuyên (theo phương án tự chủ được phê duyệt, đã tiết kiệm 2-3% hỗ trợ trực tiếp từ NSNN)	1.558,00	1.558,00		779,00	779,00	
	<i>- Trong đó: Tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>20,00</i>	<i>20,00</i>		<i>10,00</i>	<i>10,00</i>	
	Kinh phí hỗ trợ để thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP (theo quy định tại Điều 33 Nghị định 60/2021/NĐ-CP)	423,00	423,00		227,00	196,00	
	Kinh phí hỗ trợ để thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	343,80	343,80		169,40	174,40	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.143,10	4.143,10	348,70	2.618,90	1.175,50	
2.3.1	Kinh phí hỗ trợ DNNVV	1.140,00	1.140,00		1.140,00		
2.3.2	Nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao	2.536,00	2.536,00		1.421,00	1.115,00	



Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Thiết kế, chế tạo và thử	Trung tâm Hỗ trợ chuyển giao công nghệ	Văn phòng đại diện Cục tại TP HCM
	Thông tin phục vụ hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ năm 2024	142,50	142,50		142,50		
	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Đổi mới sáng tạo thế giới năm 2024	361,00	361,00		361,00		
	Kết nối công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam năm 2024	665,00	665,00			665,00	
	Tổng hợp, đánh giá kết quả hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương năm 2024	427,50	427,50		427,50		
	Tổng hợp kết quả hoạt động đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ của một số ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế (Năm 2024: xây dựng, thử nghiệm và hoàn thiện phương án thu thập, tổng hợp kết quả về hoạt động đổi mới, phát triển công nghệ của ngành, lĩnh vực)	490,00	490,00		490,00		
	Tổng hợp hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của các tổ chức có chức năng hỗ trợ đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng Đông Nam Bộ	450,00	450,00			450,00	
2.3.3	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	118,40	118,40		57,90	60,50	
2.3.4	Hợp tác quốc tế	348,70	348,70	348,70			
	Đoàn ra	237,50	237,50	237,50			
	Đoàn vào	81,70	81,70	81,70			
	Hội nghị, hội thảo quốc tế	29,50	29,50	29,50			
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>332,50</b>	<b>332,50</b>		<b>332,50</b>		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	332,50	332,50		332,50		
	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	332,50	332,50		332,50		



Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Thiết kế, chế tạo và thử	Trung tâm Hỗ trợ chuyên giao công nghệ	Văn phòng đại diện Cục tại TP HCM
4	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>190,00</b>	<b>190,00</b>		<b>190,00</b>		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	190,00	190,00		190,00		
	<i>Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	<i>190,00</i>	<i>190,00</i>		<i>190,00</i>		



Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-ĐMST ngày 10 tháng 01 năm 2025

của Cục trưởng Cục Phát triển công nghệ và Đổi mới sáng tạo)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Cục Phát triển công nghệ và Đổi mới sáng tạo công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>17.388,90</b>	<b>15.900,62</b>	<b>91,44%</b>	<b>93,27%</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>17.388,90</b>	<b>15.900,62</b>	<b>91,44%</b>	<b>93,27%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>6898,00</b>	<b>6321,21</b>	<b>91,64%</b>	<b>95,59%</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6532,30	5.970,21	91,40%	96,26%
1.2	Kinh phí tiết kiệm để cải cách tiền lương	10,00	0,00		
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	195,00	195,00	100,00%	
1.4	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	160,70	156,00	97,08%	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>9.968,40</b>	<b>9.057,41</b>	<b>90,86%</b>	<b>91,47%</b>
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.500,50	2.889,61	82,55%	82,90%
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	2.835,50	2.226,31	78,52%	78,93%
	Nghiên cứu giải pháp quản lý, thúc đẩy hợp tác đồng đổi mới sáng tạo (Co-Innovation) cho doanh nghiệp Việt Nam	194,00	194,00	100,00%	
	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và thử nghiệm hệ thống sấy vải thiều sử dụng nhiệt gián tiếp từ nhiên liệu sinh khối	1.159,00	550,50	47,50%	
	Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách tăng cường liên kết nghiên cứu và chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	712,50	711,81	99,90%	



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	<i>Nghiên cứu giải pháp hình thành và nâng cao năng lực cho bộ phận nghiên cứu và phát triển công nghệ trong doanh nghiệp chế biến, chế tạo tại Việt Nam</i>	570,00	570,00	100,00%	
	<i>Nghiên cứu đề xuất giải pháp hỗ trợ công nghệ phù hợp phát triển sản phẩm OCOP vùng trung du miền núi phía Bắc</i>	200,00	200,00	100,00%	
	<i>- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	665,00	663,30	99,74%	99,74%
	<i>Nghiên cứu phát triển công nghệ chế biến một số sản phẩm từ nguyên liệu chuỗi xanh</i>	332,50	332,50	100,00%	
	<i>Phân tích, lựa chọn công nghệ có tiềm năng ứng dụng năm 2024</i>	332,50	330,80	99,49%	
2.2	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	2.324,80	2.324,80	100,00%	101,34%
	<i>Hỗ trợ kinh phí thường xuyên (theo phương án tự chủ được phê duyệt, đã tiết kiệm 2-3% hỗ trợ trực tiếp từ NSNN)</i>	1.538,00	1.538,00	100,00%	
	<i>Kinh phí hỗ trợ để thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP (theo quy định tại Điều 33 Nghị định 60/2021/NĐ-CP)</i>	423,00	423,00	100,00%	
	<i>Kinh phí tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương</i>	20,00	20,00	100,00%	
	<i>Kinh phí hỗ trợ để thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP</i>	343,80	343,80	100,00%	
2.3	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	4.143,10	3.843,00	92,76%	93,29%
2.3.1	<i>Kinh phí hỗ trợ DNNVV</i>	1.140,00	1.140,00	100,00%	100,00%
2.3.2	<i>Nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao</i>	2.536,00	2.465,50	97,22%	98,23%
	<i>Thông tin phục vụ hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ năm 2024</i>	142,50	142,50	100,00%	
	<i>Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Đổi mới sáng tạo thế giới năm 2024</i>	361,00	354,00	98,06%	
	<i>Kết nối công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam năm 2024</i>	665,00	665,00	100,00%	
	<i>Tổng hợp, đánh giá kết quả hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương năm 2024</i>	427,50	412,00	96,37%	
	<i>Tổng hợp kết quả hoạt động đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ của một số ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế (Năm 2024: xây dựng, thử nghiệm và hoàn thiện phương án thu thập, tổng hợp kết quả về hoạt động đổi mới, phát triển công nghệ của ngành, lĩnh vực)</i>	490,00	442,00	90,20%	



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	<i>Tổng hợp hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của các tổ chức có chức năng hỗ trợ đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng Đông Nam Bộ</i>	450,00	450,00	100,00%	
2.3.3	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	118,40	118,40	100,00%	
2.3.4	Hợp tác quốc tế	348,70	237,50	68,11%	
	<i>Đoàn ra</i>	237,50	237,50	100,00%	
	<i>Đoàn vào</i>	81,70	0,00		
	<i>Hội nghị, hội thảo quốc tế</i>	29,50	0,00		
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>332,50</b>	<b>332,00</b>	<b>99,85%</b>	<b>100,65%</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	332,50	332,00		
<b>4</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>190,00</b>	<b>190,00</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	190,00	190,00		
	<i>Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	190,00	190,00		